

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/LĐ-PT

Ngày 22 / 8 / 2025

V/v: tranh chấp hủy quyết định

chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Phạm Thị Hồng Hà

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/LĐ - PT ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “ *Tranh chấp hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là TAND khu vực 1 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa:

-Nguyên đơn: ông Nguyễn Quý H, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Bùi Văn K (Công ty L chi nhánh V) thuộc đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

-Bị đơn: Công ty cổ phần T2 sông T. Địa chỉ: số A, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hoài P – Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Dương Tiếng T và bà Ngô Thị Kim T1 và ông Trần Huỳnh . Cùng địa chỉ: căn A, Tòa nhà P, đường số A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2024).

(Bà T và bà T1 có mặt, ông H1 có đơn vắng mặt)

Người kháng cáo: ông Nguyễn Quý H là nguyên đơn, Công ty cổ phần T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/10/2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Quý H và trong quá trình tham gia tố tụng ông H trình bày:

Ông H và Công ty cổ phần T2 (công ty T2) có ký kết hợp đồng lao động ngày 01/8/2006 với chức danh phụ trách bộ phận Tổ chức – Hành chính. Năm 2010 hai bên ký hợp đồng không xác định thời hạn với chức danh Trưởng phòng tổng hợp – Tổ chức Hành chính. Do thay đổi cơ cấu nhân sự, tổ chức, hai bên ký lại hợp đồng lao động không xác định thời hạn bắt đầu ngày 01/9/2011 với vị trí công việc Trưởng phòng – Nguồn lực Nhân sự và Hành chính. Ngày 28/5/2022, ký phụ lục điều chỉnh thường gộp thành mức lương 38.307.236đ có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Từ ngày 01/12/2022, Giám đốc mới được bổ nhiệm, anh và Giám đốc phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bị cô lập, chèn ép, trù dập, bị gây khó khăn trong công việc, nhiều lần ông đã phản ánh sự việc đến Hội đồng quản trị của Công ty bằng email hoặc trực tiếp. Công ty ủy quyền cho Luật sư làm việc với anh thương lượng về việc chấm dứt hợp đồng lao động, hỗ trợ thôi việc với anh nhưng anh không đồng ý. Ngày 08/11/2023 Công ty đã giao Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động của Công ty, Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 338/2023/QĐ-BSG ST ngày 08/11/2023. Ông H cho rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty là trái quy định của Bộ luật lao động năm 2019 nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung sau:

- Hủy quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 338/2023/QĐ-BSG ST ngày 08/11/2023.

- Buộc Công ty T2 phải nhận lại làm việc theo hợp đồng đã giao kết ngày 01/9/2011 và phụ lục hợp đồng số 0029/01/PL-HĐLĐ-CTTM-ST ngày 28/5/2022.

- Buộc Công ty T2 phải trả tiền lương với mức lương 38.307.236đ/tháng cho 10 tháng được tính từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/10/2024 (trong những ngày không làm việc) là 383.072.000đ và tiếp tục trả lương từ ngày 10/10/2024 đến khi vụ án được giải quyết xong bằng bản án hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty T2 phải nhận lại sổ bảo hiểm và phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông không làm việc từ ngày 09/12/2023 đến khi vụ án được giải quyết xong bằng bản án/ quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty T2 bồi thường 05 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 191.536.000đ.

Theo bản khai ý kiến ngày 29/11/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, bà Dương Tiếng T và bà Ngô Thị Kim T1 đại diện hợp pháp của Công ty T2 trình bày:

Công ty T2 cho ông H thôi việc vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động, về trình tự thủ tục tiến hành thay đổi cơ cấu được Công ty thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật. Khi cho ông H thôi việc công ty đã giải quyết đầy đủ quyền lợi cho ông H khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại

Khoản 5 Điều 44 Bộ luật lao động năm 2019. Cụ thể Công ty đã thanh toán cho ông H bao gồm tiền lương trả đến ngày chấm dứt hợp đồng, tiền trợ cấp mất việc làm, tiền lương cho những ngày nghỉ hằng năm (chưa được nghỉ) với tổng số tiền là 152.462.799đ. Việc công ty T3 cơ cấu là cần thiết, phù hợp với mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực của Công ty và việc không có nhu cầu sử dụng lao động của Công ty là phù hợp theo quy định Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Về trình tự chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là hoàn toàn hợp pháp nên ông H khởi kiện Công ty T2 sai gòn Sông T là không có cơ sở pháp lý. Hiện tại Công ty cũng không còn vị trí Trưởng phòng (mà trước đây ông H đảm nhiệm) và cũng không có nhu cầu tuyển dụng vị trí này nên Công ty không có cơ sở để nhận ông H làm việc trở lại, đồng thời yêu cầu bồi thường tương đương 05 tháng tiền lương của ông H là vô lý và không có căn cứ pháp luật.

Vì những căn cứ trên, Công ty T2 khẳng định rằng việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là theo đúng quy định pháp luật và công ty đã đảm bảo quyền lợi cho ông H khi mất việc do tái cơ cấu. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long (nay là TAND khu vực 1- Vĩnh Long) quyết định:

Căn cứ vào các Điều 34,41,42,44 Bộ luật năm 2019; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quý H;

Buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Quý H số tiền 22.984.341đ (*hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi một đồng*).

-Không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 338/2023/QĐ-BSGST ngày 08/11/2023.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/3/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Quý H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số: 338/2023/QĐ-BSG ST ngày 08/11/2023 của Công ty cổ phần T2.

- Buộc Công ty cổ phần T2 phải nhận ông H lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết ngày 01/9/2011 và phụ lục hợp đồng số: 0029/01/PL-HĐLĐ-CTTM- ST ngày 28/5/2022.

- Buộc Công ty cổ phần T2 trả nguyên đơn Nguyễn Quý H tiền lương từ ngày 09/12/2023 đến ngày 06/3/2025 tổng cộng 574.605.000đ (Năm trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm lẻ năm ngàn đồng) và tiếp tục trả lương từ ngày 07/3/2025 đến khi vụ việc được giải quyết xong bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật, với mức lương 38.307.236 đồng/ tháng.

- Buộc Công ty cổ phần T2 phải nhận lại sổ bảo hiểm và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày không làm việc từ ngày 09/12/2023 đến khi vụ việc được giải quyết xong bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty cổ phần T2 bồi thường cho nguyên đơn Nguyễn Quý H 05 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 191.536.000đ (Một trăm chín mươi một triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Ngày 25/3/2025 bị đơn Công ty cổ phần T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết:

Không chấp nhận trả ông H số tiền 22.984.341đ (Hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi một đồng) bồi thường 18 ngày làm việc và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quý H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quý H giữ nguyên các nội dung kháng cáo, tuy nhiên có thay đổi về số tiền bồi thường tiền lương từ ngày 09/12/2023 đến ngày xét xử phúc thẩm với số tiền là 781.767.000đ.

Bà Dương Tiếng T và bà Ngô Thị Kim T1 vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo của Công ty cổ phần T2.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày quan điểm:

Công ty cổ phần T2 chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái quy định tại khoản 6 Điều 42 và Điều 44 Bộ luật lao động. Thực tế công ty không cơ cấu, tổ chức lại lao động, không bố trí việc làm mới cho ông H theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2019. Khi cho ông H nghỉ việc không thông qua Ban chấp hành công đoàn. Việc xây dựng phương án sử dụng lao động, sau đó bổ sung, thay đổi lại phương án sử dụng lao động, đây chỉ là việc hợp thức hóa của công ty mà thôi. Ông H khẳng định do mâu thuẫn cá nhân giữa ông H và Giám đốc công ty nên mới cho ông H nghỉ việc, sự việc này thể hiện tại cuộc nói chuyện giữa ông H và bà T đại diện cho công ty và ông H đã nộp tài liệu này cho Tòa án. Hơn nữa Công ty cổ phần T2 sai Gòn S không nộp điều lệ của công ty cho Tòa án, vì công ty cổ phần khi ban hành bất cứ một quyết định gì cũng phải thông qua Đại hội cổ đông. Việc cho ông H nghỉ việc không thông qua đại hội cổ đông là không đúng quy định. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

+ *Về thủ tục:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự và Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:*

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quý H;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần T2;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: ghi ký hiệu bản án số 01/2025/LĐ-ST đúng biểu mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Đưa người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần T2 vào tham gia trong vụ án.

Về án phí phúc thẩm: do sửa án nên bị đơn không phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Ngày 10/3/2025 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 24/3/2025 nguyên đơn kháng cáo, ngày 25/3/2025 bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn;

[1] Xét thấy: ông Nguyễn Quý H và Công ty cổ phần T2 (gọi tắt là công ty T2) có ký kết hợp đồng lao động ngày 01/8/2006 với chức danh phụ trách bộ phận Tổ chức – Hành chính. Năm 2010 hai bên ký hợp đồng không xác định thời hạn với chức danh Trưởng phòng tổng hợp – Tổ chức Hành chính. Do thay đổi cơ cấu nhân sự, tổ chức, hai bên ký lại hợp đồng lao động không xác định thời hạn bắt đầu ngày 01/9/2011 với vị trí công việc Trưởng phòng – Nguồn lực Nhân sự và Hành chính. Ngày 28/5/2022, ký phụ lục hợp đồng lao động điều chỉnh mức lương gộp mới là 38.307.236đ có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Công việc cụ thể thực hiện theo bản mô tả công việc hoặc các công việc khác theo phân công trực tiếp trưởng đơn vị hoặc ban điều hành.

Ngày 27/9/2023 Hội đồng quản trị Công ty T2 ban hành quyết định số 07 và ngày 28/9/2023 Giám đốc Công ty T2 ban hành quyết định số 235 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động đối với Phòng nguồn lực nhân sự và hành chính, người lao động bị ảnh hưởng là ông Nguyễn Quý H. Ngày 29/9/2023 công ty T2 ban hành phương án sử dụng lao động, đến ngày 23/10/2023 ban hành phương án sử dụng lao động thay thế phương án sử dụng lao động ngày 29/9/2023 là đúng quy định tại Điều 42 và Điều 44 Bộ luật lao động.

Ngày 08/11/2023 công ty T2 ban hành quyết định số 338/2023/QĐ-BSG-ST chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Quý H, lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động. Ngày làm việc cuối cùng của ông H là ngày 08/12/2023. Ngày 08/11/2023 ông H đã được nhận Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 177/2023/TB-BSGST và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao

động số 338/2023/QĐ-BSG ST ngày 08/11/2023 thể hiện thời điểm cho thôi việc đối với ông H là hết ngày 08/12/2023 (ngày 09/12/2023 là ngày quyết định có hiệu lực). Ông H đã nhận đầy đủ các chế độ thôi việc với số tiền là 151.211.635đ

[2] Xét về trình tự cho thôi việc của công ty T2 đối với ông H: ngày 23/10/2023 công ty T2 đã tổ chức cuộc họp có lãnh đạo công ty, chủ tịch, phó chủ tịch ban chấp hành công đoàn cơ sở và tập thể người lao động làm việc tại công ty để trao đổi phương án sử dụng lao động và cho người lao động tại phòng nguồn lực nhân sự và hành chính thôi việc là đúng quy định tại khoản 6 Điều 42 Bộ luật lao động. Theo công văn số 69/SLĐTBXH-LĐVL ngày 09/01/2025 của Sở lao động thương binh xã hội tỉnh V (Sở L1) phúc đáp cung cấp thông tin về việc thực hiện quy trình cho người lao động thôi việc theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Bộ Luật lao động năm 2019 của Công ty T2 đối với người lao động đã được Sở LĐTBXH hướng dẫn để thực hiện đúng quy định nên Sở LĐTBXH không có ý kiến. Công văn số 8746/UBND-VX ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh V phúc đáp xác nhận thông tin: ngày 27/10/2023 Ủy ban nhân dân tỉnh V đã tiếp nhận Công văn số 50/CV-BSG ST ngày 27/10/2023 của Công ty cổ phần T2 về việc cho người lao động thôi việc.

Như vậy về trình tự cho thôi việc đối với ông H công ty T2 đã thực hiện đúng quy định, có trao đổi thông qua tổ chức công đoàn nơi người lao động là thành viên, gửi văn bản thông báo cho Sở L, Ủy ban nhân dân tỉnh và người lao động trước 30 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 42 Bộ luật lao động.

Về việc xây dựng phương án lao động của Công ty T2 thực hiện theo quy định tại Điều 44 Bộ luật lao động, tuy công ty chỉ cho thôi việc đối với một người lao động thì không cần thiết phải lập phương án, nhưng việc xây dựng phương án trong trường hợp này cũng không vi phạm điều cấm của luật. Tuy nhiên, tại mục 7.2 của “Phương án sử dụng lao động” quy định: *“Trong thời hạn 30 ngày lịch kể từ ngày thông báo việc cho thôi việc đến Sở lao động - Thương binh và xã hội tỉnh V, nếu không có sự phản đối của Sở lao động - thương binh và xã hội tỉnh V về việc cắt giảm lao động này, công ty sẽ thông báo cho người lao động về việc cho thôi việc theo thời hạn báo trước tương ứng là 30 ngày lịch và ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động theo thời hạn chấm dứt đã thông báo cho người lao động trước đó”*.

Đối chiếu với phương án lao động thì kể từ ngày 27/10/2023 gửi văn bản thông báo cho Sở L, nếu không có sự phản đối của Sở L về việc cắt giảm lao động thì lẽ ra đến ngày cuối cùng của thời hạn 30 ngày tức là ngày 27/12/2023 thì mới được chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó về thời gian cho thôi việc của ông H trong trường hợp này là 60 ngày, kể từ ngày gửi thông báo cho sở LĐTBXH. Ngày 27/10/2023 gửi văn bản thông báo cho Sở L đến ngày 08/11/2023 công ty đã ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động và ấn định ngày 09/12/2023 chính thức chấm dứt hợp đồng với ông H thì chỉ thực hiện trong thời gian 42 ngày, vi phạm thời gian báo trước là 18 ngày nên Công ty phải bồi thường số tiền lương vi phạm thời hạn báo trước cho ông H là 18 ngày

tương ứng 22.984.341đ (38.307.236đ : 30 ngày x 18 ngày) theo quy định tại đoạn 4 khoản 1 Điều 41 Bộ luật lao động là phù hợp.

Tại phiên tòa ông H cho rằng công ty T2 cho ông H thôi việc là do mâu thuẫn cá nhân giữa ông H và Giám đốc công ty, nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Do đó bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định số 338/2023/QĐ-BSG ST ngày 08/11/2023, không buộc công ty T2 nhận ông H trở lại làm việc, không chi trả tiền lương, bảo hiểm trong những ngày không được làm việc và không buộc bồi thường 05 tháng tiền lương theo hợp đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, buộc công ty T2 bồi thường cho ông H số tiền 22.984.341đ là có căn cứ.

Kiểm sát viên đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: ghi ký hiệu bản án số 01/2025/LĐ-ST đúng biểu mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Đưa người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần T2 vào tham gia trong vụ án. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, tuy nhiên đây là những sai sót nhỏ của bản án sơ thẩm, không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó không cần phải căn cứ khoản 2 Điều 308 sửa án sơ thẩm.

Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn được miễn án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quý H;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần T2;

Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (nay là TAND khu vực 1 - Vĩnh Long).

Căn cứ các Điều 34, Điều 41, Điều 42 và Điều 44 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quý H.

Buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Quý H số tiền 22.984.341đ (hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quý H về việc hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 338/2023/QĐ-BSG ST ngày 08/11/2023.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn sông T phải chịu án phí 689.000đ (sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Buộc công ty cổ phần T2 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007811 ngày 31/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Vĩnh Long). Công ty cổ phần T2 sông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 1;
- TAND khu vực 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình